TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 215/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2020
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 659/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 20/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Công T, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Tạm trú: Ấp 1, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn ông Đỗ Công T thể hiện:

Ông T và bà Nguyễn Thị Ngọc H có tìm hiểu nhau, sau đó tiến tới hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ vào ngày 17/10/2005. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Hiện ông bà đã ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên Đỗ Chí V, sinh ngày 07/9/2005. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung,

không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T không có chứng cứ gì bổ sung cho Tòa án nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bà H vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đỗ Công T nộp đơn khởi kiện ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc H có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp "*ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Đỗ Công T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ vào Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 17/10/2005 tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ phần trình bày của ông T về mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn, hiện không còn sống chung, không quan tâm lo lắng cho nhau, ông T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bà H, bị đơn bà H đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ bà H không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đỗ Công T.

Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung tên Đỗ Chí V, sinh ngày

07/9/2005. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Đỗ Chí V từ lúc sinh ra đến nay bé sống cùng ông T, được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phát triển khỏe mạnh, toàn diện; bên cạnh đó, cháu đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được sống với cha nên căn cứ vào điều kiện của các bên; quyền lợi về mọi mặt và lợi ích của con, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đỗ Chí V cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, bị đơn bà H vắng mặt không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Đỗ Công T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Đỗ Công T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Công T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Về con chung: Ông Đỗ Công T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Chí V, sinh ngày 07/9/2005.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Khi cần thiết các bên có thể thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Ông Đỗ Công T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005674 ngày 26/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Ông T đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đỗ Công T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Ngọc H được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện Đ *(để ghi vào sổ hộ tịch);*
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Tho